

Số: 70/2025/QĐST-DS

Long Đất, ngày 13 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Quế Phụng.

Căn cứ vào các điều 48, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 162/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

1.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị B yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị N để lại cho các đồng thừa kế đối với các thửa đất 530, 531, 532, 533, 1043 tờ bản đồ 02 diện tích 3.775,4m² tại xã A (N là xã T), huyện L (Nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho 08 người con, mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế.

Ngày 01/8/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị B có yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị N để lại cho các đồng thừa kế mỗi người một phần bằng nhau. Cụ thể chia diện tích 4.696,0m² thuộc các thửa đất 530, 531, 532, 533, 1043, một phần các thửa 528, 534, 537, 1050 đều thuộc tờ bản đồ 02 diện tích tại xã A (Nay là xã T), huyện L (Nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành 08 phần, mỗi người được hưởng diện tích 587m².

Trước khi Toà án mở phiên toà, ngày 21/3/2025 nguyên đơn bà Phạm Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với phần đất có tổng diện tích 845,2m² thuộc một phần các thửa đất số 30 (Thửa cũ là 532, 537), một phần thửa đất số 10 (Thửa cũ là 1050, 1043) thuộc tờ bản đồ số 27 (Tờ cũ là số 2), xã A (Nay là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trên đất có khu mộ. Có ký hiệu lô A theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà Phạm Thị B đã rút đơn.

1.2] Ngày 01/8/2024, các đương sự là bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị N1, ông Phạm Văn N2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn T2, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1, ông Mai Văn Q đều có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu được chia di sản thừa kế do ông Phạm Văn T, bà Trần Thị N chết để lại cho 8 người con mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau. Cụ thể chia diện tích đất 4.696,0m² thuộc các thửa 530, 531, 532, 533, 1043 và 01 phần các thửa 528, 534, 537, 1050 tờ bản đồ 02 xã A, huyện L thành 08 phần, mỗi phần có diện tích 587m². Trường hợp không thể thực hiện được việc tách thửa đất thì các đương sự thống nhất được đứng tên đồng sở hữu đối với diện tích đất được chia.

Trước khi Toà án mở phiên toà, ngày 16/4/2025 các đương sự là bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị N1, ông Phạm Văn N2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn T2, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1, ông Mai Văn Q đều có đơn xin rút một phần yêu cầu độc lập đối với phần đất có tổng diện tích 845,2m² thuộc một phần các thửa đất số 30 (Thửa cũ là 532, 537), một phần thửa đất số 10 (Thửa cũ là 1050, 1043) thuộc tờ bản đồ số 27 (Tờ cũ là số 2), xã A (Nay là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trên đất có khu mộ. Có ký hiệu lô A theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Việc rút một phần yêu cầu độc lập của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần yêu cầu độc lập mà bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị N1, ông Phạm Văn N2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn T2, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1, ông Mai Văn Q đã rút.

1.3] Tại phiên toà, các đương sự thống nhất thoả thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án như sau:

1.3.1] Bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị T1, ông Mai Văn Q, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1 (Ông Q, ông H, bà H1 được thừa hưởng chung 01 phần thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2) cùng được quyền đồng quản lý, đồng sở hữu, đồng sử dụng phần đất có tổng diện tích 1.700m² thuộc một phần các thửa đất số 30 (Thửa cũ là 532), một phần thửa đất số 10 (Thửa cũ là 1050) tờ bản đồ số 27 (Tờ cũ là số 2), xã A (Nay là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có ký hiệu lô B theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị T1, ông Mai Văn Q, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1 (Ông Q, ông H, bà H1 được thừa hưởng chung 01 phần thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2) được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.3.2] Ông Phạm Văn M được quyền quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích 2.136,2m² thuộc một phần thửa đất số 10 (Thửa cũ là số 531), tờ bản đồ số 27 (Tờ cũ là số 2), xã A (Nay là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trên phần diện tích đất này có công trình vật kiến trúc gồm: 01 căn nhà có diện tích 58,0m² và

01 căn nhà có diện tích 59,4m² đang do ông Phạm Văn M quản lý và sử dụng. Có ký hiệu lô B theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Ông Phạm Văn M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.3.3] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ tài sản, định giá tài sản là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà Phạm Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị B, sinh năm 1961. Địa chỉ: I, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1985, địa chỉ: A, Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2022 tại Văn phòng C).

Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tỉnh lộ 44B, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông M:

- Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Ông Phạm Ngọc D1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2025 tại Văn phòng C).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Phạm Văn B1, sinh năm 1956. Địa chỉ: B, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B1: Bà Phạm Thị Q1, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L (N là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

2/ Phạm Văn T2, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ô,tổ A, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh B2.

3/. Phạm Văn N2, sinh năm 1957. Địa chỉ: A, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4/. Phạm Thị N1, sinh năm 1959. Địa chỉ : A, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5/. Phạm Thị T1, sinh năm 1967. Địa chỉ: E, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2, ông N2, bà N1, bà T1: Ông Trần Anh D, sinh năm 1985, địa chỉ: A, Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2022 tại Văn phòng C).

6/. Ông Mai Văn Q, sinh năm 1961.

7/. Ông Mai Quốc H, sinh năm 1989.

8. Bà Mai Quốc H1, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: 1825, đường N, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của ông Q, ông H và bà H1: Ông Trần Anh D, sinh năm 1985, địa chỉ: A, Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền ngày 18/08/2023 tại Văn phòng C1).

9/ Bà Phạm Thị Thu T3, sinh năm: 1979. Địa chỉ: 2c, tổ E, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3:

- Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Duy H4, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đều theo giấy ủy quyền ngày 17/8/2024 tại Văn phòng C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1] Bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị T1, ông Mai Văn Q, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1 (Ông Q, ông H, bà H1 được thừa hưởng chung 01 phần thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2) cùng được quyền đồng quản lý, đồng sở hữu, đồng sử dụng phần đất có tổng diện tích 1.700m² thuộc một phần thửa đất số 10 tờ bản đồ số 27, xã A (N là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có ký hiệu lô B theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị T1, ông Mai Văn Q, ông Mai Quốc H, bà Mai Quốc H1 (Ông Q, ông H, bà H1 được thừa hưởng chung 01 phần thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2) được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2] Ông Phạm Văn M được quyền quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích 2.136,2m² thuộc một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27, xã A (N là xã T), huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trên phần diện tích đất này có công trình vật kiến trúc gồm: 01 căn nhà có diện tích 58,0m² và 01 căn nhà có diện tích 59,4m² đang do ông Phạm Văn M quản lý và sử dụng. Có ký hiệu lô B theo sơ đồ vị trí ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Ông Phạm Văn M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ tài sản, định giá tài sản là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà Phạm Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1, mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 16.886.000đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Tuy nhiên các đương sự đều thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn N2, bà Phạm Thị N1.

- Ông Phạm Văn M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 120.817.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng). Tuy nhiên ông M thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn M.

- Ông Mai Văn Q phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.629.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng). Tuy nhiên ông Q thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai Văn Q.

- Bà Phạm Thị T1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.886.000đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.480.000đ (Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003849 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (Nay là huyện L). Trả

lại cho bà T1 số tiền là 22.594.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

- Ông Mai Quốc H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.629.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.160.000đ (Mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003848 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (Nay là huyện L). Trả lại cho ông H số tiền là 7.531.000đ (Bảy triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng).

- Bà Mai Quốc H1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.629.000đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.160.000đ (Mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003850 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (Nay là huyện L). Trả lại cho bà H1 số tiền là 7.531.000đ (Bảy triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Đất;
- CCTHA dân sự huyện Long Đất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

